

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày: 19-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng - Công chức Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Trắc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 6 năm 2022, ngày 12 và ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc K, sinh năm 1982 tại V, Long An; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và nơi ở hiện nay: Ấp Tr, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Trần Văn X; Mẹ: Lê Thị N; Vợ: Nguyễn Thị P; Có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Không có vấn đề gì cần ghi nhận; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2020 đến ngày 13/10/2020 cho bảo lãnh đến nay. (Có mặt)

2. Đoàn Văn N, sinh năm 1986 tại V, Long An; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT: Khu phố 3, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An; Nơi ở hiện nay: Ấp Tr, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Đoàn Văn N; Mẹ: Nguyễn Thị B; Vợ: Nguyễn Thị O; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

3. Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1980 tại P, Hậu Giang; Tên gọi khác: U; Giới tính: Nam; HKTT: ấp H, xã A, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Nơi ở hiện nay: Ấp

Tr, xã T, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Văn A (đã chết); Mẹ: Võ Thị T (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị L; Có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 06/02/2017 bị Trưởng Công an huyện V xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. (Có mặt)

4. **Lê Văn V**, sinh năm 1985 tại V, Long An; Tên gọi khác: Q; Giới tính: Nam; HKTT và nơi ở hiện nay: Quốc lộ 62, khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Lê Văn Đ; Mẹ: Lê Thị T; Vợ: Huỳnh Thị K; Có 01 người con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

5. **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1983 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Nguyễn Văn L; Mẹ: Âu Thị N; Vợ: Đinh Thị Bích T; Có 04 người con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, thời gian thử thách được tính từ ngày 22/11/2016 về tội “Cố ý gây thương tích cho người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, đã chấp hành xong ngày 22/02/2019. (Có mặt)

6. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp Tr, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Nguyễn Văn B; Mẹ: Phạm Thị D; Vợ: Dương Thị Thanh T; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

7. **Trần Văn T1**, sinh năm 1982 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp Tr, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Trần Thành N; Mẹ: Trần Thị M; Vợ: Nguyễn Thị H; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

8. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1973 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Nguyễn Văn L; Mẹ: Âu Thị N; Vợ: Võ Thị Thanh T; Có 02 người con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

9. **Nguyễn Quốc L1**, sinh năm 1986 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học

vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Nguyễn Văn L; Mẹ: Âu Thị N; Vợ: Đàm Thị L; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

10. **Trần Hoàng C**, sinh năm 1987 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Trần Văn C; Mẹ: Nguyễn Thị H; Vợ: Trần Thị Thanh H; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

11. **Trần Văn T3**, sinh năm 1974 tại V, Long An. Tên gọi khác: H; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Trần Văn D (đã chết); Mẹ: Phan Thị S; Vợ: Phạm Thị H; Có 02 người con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

12. **Trần Văn K**, sinh năm 1987 tại V, Long An. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Đỗ Văn Đ (đã chết); Mẹ: Trần Thị D; Vợ: Phan Thị V; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

13. **Trần Văn T4**, sinh năm 1990 tại V, Long An. Tên gọi khác: Q; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Trần Văn P; Mẹ: Dương Thị T; Vợ: Hồ Ngọc T; Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

14. **Đỗ Hoàng M**, sinh năm 1985 tại V, Long An. Tên gọi khác: T; Giới tính: Nam; HKTT và Nơi ở hiện nay: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Đỗ Chí D; Mẹ: Huỳnh Thị Ngọc Đ; Vợ: Lê Thị C Duyên; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: không có vấn đề gì cần ghi nhận. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn M, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn V, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
5. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
6. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
7. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
8. Ông Lê Minh V, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
9. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
10. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
11. Ông Nguyễn Quyết T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
12. Ông Võ V, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
13. Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
14. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
15. Ông Nguyễn Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.
16. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.
17. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.
18. Ông Ngô Văn Bé S, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
19. Ông Đỗ Thành C, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Long An.
20. Ông Lê Thanh P, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
21. Ông Lê Long H, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
22. Ông Lê Văn D, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

23. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An.

24. Ông Thái N, sinh năm 1991. Địa chỉ: khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

25. Ông Hồ Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: số 146 L, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

26. Ông Ngô Thanh H, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

27. Ông Lê Minh C, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

28. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp S, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

29. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

30. Ông Trần Minh T3, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

31. Ông Trần Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

32. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn C, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

33. Ông Trần Văn T4, sinh năm 1968. Địa chỉ: 6/214, khu 5, thị trấn C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

34. Ông Âu Thành M, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn H, huyện V, tỉnh Long An.

35. Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

36. Ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Trung Trực, xã Thái Bình Trung, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

37. Ông Huỳnh Tấn T5, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

38. Ông Huỳnh Trong M, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

39. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp T, xã H huyện V, tỉnh Long An.

40. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, riêng ông Nguyễn Văn T, ông Thái N, ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn C vắng

mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2020, Trần Quốc K, liên hệ với người phụ nữ tên L dân Campuchia (là người bán heo) đặt mua heo Thái Lan và hẹn địa điểm giao nhận heo tại đất của anh C - Đại Đội trưởng Đại Đội 3 thuộc ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Svâyriêng, Campuchia.

Sau đó, K thuê Trần Văn T và 07 thành viên khác trong đội máy cày gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T1, Trần Văn K, Trần Văn T2 và Đỗ Hoàng M, mỗi người đều chạy máy cày có rơ móc vận chuyển heo từ Campuchia về chuồng bò ở gần nghĩa địa thuộc ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Long An. Hình thức K trả tiền thuê đội máy cày vận chuyển heo tính theo xe container chở heo (khoảng 300 con) giá mỗi xe container là 6.000.000 đồng, mỗi người được 750.000 đồng. Hình thức vận chuyển là cả 8 máy cày cùng chạy xoay vòng tròn để chở heo. Cả 8 máy cày này đã vận chuyển xoay vòng từ điểm tập kết ở Campuchia về chuồng bò thuộc ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

Đồng thời K cũng thuê Lê Văn V, là Đội trưởng đội bốc vác cùng với 11 thành viên gồm có: Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn L1, Lê Long H, Lê Thanh P, Lê Văn D, Nguyễn Quyết T, Võ V, Đỗ Thành C, Nguyễn Thành D, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Quốc D, là Đội trưởng đội bốc vác cùng với 11 thành viên gồm có: Nguyễn Văn L3, Ngô Văn B Lê Minh D, Lê Tuấn A, Nguyễn Minh T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Minh N, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Văn T, Trần V, Nguyễn Q, để thuê 02 đội bốc vác này khiêng, cân heo tại điểm đất của anh C - Đại Đội trưởng Đại Đội 3 thuộc ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Svâyriêng - Campuchia. K thuê mỗi đội bốc vác 01 xe container khoảng 300 con heo giá là: 6.000.000 đồng. V và D thông báo cho thành viên trong đội của mình để khiêng, cân heo. V phân công Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn R (thành viên của đội V) lừa heo ở chuồng bò thuộc Hợp tác xã Chiến Thắng ở ấp T, xã B còn D phân công Nguyễn Văn L (thành viên của đội D) cùng với Nguyễn Văn L (thành viên của đội V) lừa heo ở Trại mộc Trọng Tuấn thuộc ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

Đồng thời, K trực tiếp thuê Đoàn Văn N sang địa điểm tập kết thuộc ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Svâyriêng - Campuchia cân heo với giá 300.000 đồng. Trực tiếp thuê Nguyễn Văn T, làm nhiệm vụ chạy xe mô tô canh heo rớt từ máy cày vận chuyển xuống đất từ đoạn đường cống kênh Hữu Nghị - Việt Nam qua chốt Sô pha vào đất Campuchia khoảng 300m gần địa điểm tập kết heo với giá 300.000 đồng. Trực tiếp thuê Nguyễn Thanh Q kiểm đếm heo và thuê xe ô tô tải vận chuyển chở heo từ chuồng bò ra đến Trại mộc Trọng Tuấn với giá 300.000 đồng.

Sáng ngày 14/3/2020, Lê Văn V và Nguyễn Quốc D cùng với 18 người bốc vác trực tiếp đi biên giới đến địa điểm tập kết heo ở Campuchia (thuộc ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Svâyriêng - Campuchia) khiêng từng con heo được đựng

trong từng lồng sắt trên xe container chở heo của chị L tại điểm tập kết nêu trên để lên bàn cân cho Đoàn Văn N, ghi trọng lượng, số lượng con heo vào trong một giấy nhỏ màu vàng đối chiếu với người Campuchia cùng ngồi ghi trọng lượng. Sau khi heo cân xong được đưa lên 08 máy cày vận chuyển về chuồng bò thuộc Hợp tác xã Chiến Thắng. Q nhận giấy của N từ những người lái máy cày, kiểm đếm heo và sắp xếp cho 06 xe ô tô tải mà Q thuê gồm có: Ngô Thanh H chủ xe, tài xế điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62C - 085.34; Nguyễn Thành Đ chủ xe điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-069.95; Âu Thành M, chủ xe, tài xế điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-080.15; Huỳnh Văn B, là tài xế điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 62C-072.62; Huỳnh Tấn T, là tài xế điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-033.22 và Nguyễn Văn S chủ xe, tài xế ô tô tải biển kiểm soát 62C-085.64 chạy chở xoay vòng từ chuồng bò về Trại mộc Trọng Tuấn.

Đến 13 giờ 30 phút ngày 14/3/2020, Cục C05 Bộ Công an phối hợp với đội Cảnh sát ĐTTP về KT- MT Công an huyện Vĩnh Hưng với sự hỗ trợ của Đoàn biên phòng Long Khốt phát hiện, bắt giữ 121 con Heo có nguồn gốc từ Campuchia về Việt Nam tại xã T cụ thể như sau:

- Tại trại mộc Trọng Tuấn: Phát hiện xe biển kiểm soát 62C- 069.95 do Nguyễn Thành Đ là chủ xe, tài xế đang sang heo qua xe ô tô tải biển kiểm soát 63C-145.54 do Thái Ngọc T là tài xế, tại thời điểm kiểm tra, trên xe ô tô tải biển kiểm soát 62C-069.95 có 10 con heo, trên ô tô tải biển kiểm soát 63C-145.54 đã có 48 con heo. Tổng cộng 58 con heo này là do anh Nguyễn Văn C là người mua. Trên xe ô tô tải biển kiểm soát 66C- 044.78 do Hồ Đăng T là tài xế có 38 con heo của K.

- Trên tỉnh lộ 831C trước cửa trạm kiểm soát Biên phòng Long Khốt thuộc ấp T, xã B, Tổ công tác phối hợp Trạm kiểm soát biên phòng chặn bắt ông Ngô Thanh H là chủ xe, tài xế xe biển kiểm soát 62C-085.34 vận chuyển 13 con heo hướng từ cầu Long Khốt ra biên giới.

- Trên đường tuần tra biên giới đoạn gần Cột mốc 220 thuộc ấp T, xã B, Tổ tuần tra biên giới của Đoàn Biên phòng Long Khốt tiếp tục phối hợp với Tổ công tác bắt anh S là người Campuchia đang điều khiển xe lồi (không biển kiểm soát) chở 6 con heo và 01 xe lồi khác (không biển kiểm soát) chở 06 con heo do người Campuchia điều khiển nhưng đã bỏ chạy thoát.

Tổng số heo bắt giữ là 121 con với tổng trọng lượng là 11.173kg (trong đó 111 con sống trọng lượng 10.194kg; 10 con chết trọng lượng 979kg). Trong đó, bắt ở ngoài trại mộc: 25 con (6 con trên xe lồi do S chở, 6 con trên xe lồi không có người chở, 13 con trên xe ô tô tải biển kiểm soát 62C- 085.34); Trong trại mộc: 96 con. Qua kiểm tra, tất cả 121 con heo không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐG ngày 16/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Hưng đã xác định giá trị của 121 con heo có tổng trọng lượng 11.173kg, trong đó: 111 con heo còn sống với tổng trọng lượng là 10.194kg x 60.000đồng/kg =

611.640.000 đồng, còn 10 con heo đã chết: không thể định giá do không xác định được giá trị.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 2940/KL-HĐĐG ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Long An đã xác định giá trị của 121 con heo có tổng trọng lượng 11.174kg, trong đó: 111 con heo còn sống với tổng trọng lượng là $10.194\text{kg} \times 72.667\text{đồng/kg} = 740.767.000$ đồng, còn 10 con heo đã chết: không thể định giá do không xác định được giá trị.

Kết quả điều tra K khai nhận mình là người chủ mua của chị L 109 con heo đã bị bắt giữ trên 04 chiếc ô tô với tổng trọng lượng là: 10.061 kg (Trong đó có 107 con heo sống trọng lượng 9.850kg, 02 con heo chết trọng lượng 211 kg). Tổng giá hàng nhập lậu $9.850\text{kg} \times 72.667\text{đồng/kg} = 715.769.950$ đồng.

Tại cáo trạng số 33/CT-VKSVH ngày 26/11/2021 của Viện kiểm sát huyện Vĩnh Hưng đã quyết định truy tố Trần Quốc K, Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn V, Nguyễn Quốc D và Nguyễn Văn T về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Ngày 30/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng thụ lý hồ sơ hình sự sơ thẩm số 33/2021/TLHS-ST. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, xét thấy các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M có dấu hiệu phạm tội “Buôn lậu” theo Điều 188 Bộ luật Hình sự là tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

Ngày 28/02/2022 Tòa án có Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 01/2022/HSST-QĐ để điều tra làm rõ: (1) Hành vi của các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M có phạm tội “Buôn lậu” theo Điều 188 Bộ luật Hình sự hay không; (2) Các đối tượng Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn L, Lê Long H, Lê Thanh P, Lê Văn D, Nguyễn Q, Võ Văn T, Đỗ Thành C, Nguyễn Thành D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Ngô Văn B, Lê Minh D, Lê Tuấn A, Nguyễn Minh T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Minh N, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Quốc Th có đồng phạm với Trần Quốc K về tội “Buôn lậu” theo Điều 188 Bộ luật Hình sự hay không?

Kết quả điều tra bổ sung: Cơ quan Cảnh sát điều tra có quyết định thay đổi quyết định khởi tố đối với 08 bị cáo từ tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự sang tội “Buôn lậu” quy định tại khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự, các vấn đề khác giữ nguyên với kết quả điều tra ban đầu.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSVH ngày 09/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố Trần Quốc K, Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn V, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Đỗ Hoàng M về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Quốc K, Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn V, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Đỗ Hoàng M phạm tội “Buôn lậu”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Quốc K từ 1.500.000.000 đồng đến 1.700.000.000 đồng.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 188; điểm m, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Đoàn Văn N từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; xử phạt Nguyễn Thanh Q từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; xử phạt Lê Văn V từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; xử phạt Nguyễn Quốc D từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; xử phạt Nguyễn Văn T từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; xử phạt Trần Văn T1 từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Nguyễn Văn L từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Nguyễn Quốc L1 từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Trần Hoàng C từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Trần Văn T2 từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Trần Văn K từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Trần Văn T3 từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; xử phạt Đỗ Hoàng M từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu sung ngân sách 591.000.000 đồng tiền bán heo, 7.900.000 đồng tiền thu lợi bất chính của các bị cáo đã nộp, 300.000 đồng tiền chiếc xe mô tô do bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp, giao trả cho Công an huyện Vĩnh Hưng số tiền 20.640.000 đồng, truy thu 24.000.000 đồng bị cáo Trần Văn T1 đã bán chiếc máy cày, truy thu 50.000.000 đồng bị cáo Trần Văn T2 đã bán chiếc máy cày, buộc các bị cáo Nguyễn Quốc D, Lê Văn V mỗi bị cáo nộp lại 5.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Quốc K, Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn V, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Đỗ Hoàng M thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa ngày 27/6/2022 các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Trần Hoàng C trình bày trước đây có chở heo từ Campuchia về Việt Nam cho cha của bị cáo Trần Quốc K, còn ngày 14/3/2020 các bị cáo không tham gia chở heo cho Trần Quốc K, trong giai đoạn điều tra các bị cáo khai ngày 14/3/2020 có tham gia chở heo cho bị cáo K là do cha của bị cáo K kêu các bị cáo khai và các bị cáo có yêu cầu triệu tập người làm chứng. Tòa án hoãn phiên tòa để xác minh thu thập, bổ sung chứng cứ. Ngày 28/6/2022 Tòa án có Thông báo số 139/2022/TA-HS yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu chứng cứ gồm: Biên bản đối chất giữa các bị cáo và ông Trần Văn X liên quan đến lời trình bày của các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn T3, Trần Hoàng C,

Trần Văn K; Biên bản đối chất giữa các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn T3, Trần Hoàng C, Trần Văn K với các bị cáo còn lại; Biên bản đối chất giữa các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn T3, Trần Hoàng C, Trần Văn K với những người trong 02 đội bốc vác; Biên bản ghi lời khai các ông bà các bị cáo yêu cầu triệu tập người làm chứng; Kết quả giải quyết khiếu nại của các bị cáo tại giai đoạn truy tố.

Ngày 05/7/2022 Viện kiểm sát chuyển cho Tòa án các tài liệu bao gồm: 05 bản tự khai viết tay ngày 04/7/2022 của các bị cáo thể hiện nội dung "...nay tôi xin khai lại là ngày 14/3/2020 tôi có dùng máy cày chở heo thuê cho Trần Quốc K...do tôi lo sợ nên tại Tòa án tôi khai không sự thật..."; 05 biên bản hỏi cung bị cáo ngày 06/7/2022; biên bản đối chất ngày 06/7/2020 giữa 05 bị cáo với ông Trần Văn X (cha của bị cáo Trần Quốc K).

Tại phiên tòa ngày 12/7/2022, Hội đồng xét xử tiến hành đối chất các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Trần Hoàng C với tất cả các bị cáo còn lại, đối chất với ông Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L với kết quả 14 bị cáo cùng những người tham gia đối chất đều khẳng định và thống nhất ngày 14/3/2020 các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Trần Hoàng C có dùng máy cày chở heo cho bị cáo Trần Quốc K. Và các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Trần Hoàng C đã thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa ngày 27/6/2022 các bị cáo Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Đỗ Hoàng M cho rằng đã khiếu nại kết luận điều tra và Cáo trạng nhưng đến ngày 12/7/2022 các bị cáo không khiếu nại nữa, những bị cáo khác, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về việc vắng mặt của bị cáo Nguyễn Quốc L1: Xét thấy tại phiên tòa ngày 27/6/2022 Hội đồng xét xử đã thực hiện xong việc xét hỏi đối với bị cáo L1, ngày 12/7/2022 bị cáo L1 nhập viện tại Bệnh viện nhân dân 115 do bị chấn thương cột sống cổ, đập tủy cổ và bị cáo có đơn xin vắng mặt ngày 19/7/2022 do không đi lại được nên việc vắng mặt của bị cáo L1 thuộc trường hợp bất khả kháng và sự vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo L1.

[3] Về hành vi của các bị cáo

[3.1] Hội đồng xét xử xét lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản làm việc được lập vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 14/3/2020 của Cục Cảnh sát môi trường - Bộ Công an (Cục C05), biên bản kiểm tra được lập vào lúc 16 giờ ngày 14/3/2020 về việc lấy mẫu máu test nhanh bệnh dịch tả heo Châu Phi, biên bản xác định trọng lượng heo có nguồn gốc từ Campuchia được lập vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 14/3/2020, Bản kết luận định giá tài sản số 2940/KL-HĐĐG ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Long An, lời khai của các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 14/3/2020 tại ấp T, xã B, Cục C05 Bộ Công an phối hợp với đội Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, Đoàn biên phòng Long Khốt cùng Công an xã B phát hiện, bắt giữ 4 chiếc xe ô tô đang chở 109 con heo có trọng lượng 10.061 kg. Trong đó có 107 con heo còn sống với trọng lượng 9.850 kg trị giá 715.769.950 đồng và 02 con heo chết có trọng lượng 211 kg không xác định được giá trị của Trần Quốc K mua heo hơi của bà L ở ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Srâyriêng, Campuchia không có giấy tờ theo quy định của pháp luật. K thuê Đoàn Văn N sang Campuchia để cân heo với giá 300.000 đồng. K thuê 2 đội bốc vác của Lê Văn V gồm 11 người và Nguyễn Quốc D gồm 11 người để bốc, chuyên heo với giá 12.000.000 đồng. K thuê Nguyễn Văn T kiểm tra heo trên đường vận chuyển có bị rơi rớt thì báo lại cho K với giá 300.000 đồng. K thuê Nguyễn Thanh Q kiểm đếm số heo từ mỗi chiếc máy cày sang 4 chiếc xe ô tô tải, được K trả 300.000 đồng. Khánh thuê Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M dùng 8 chiếc máy cày có rơ móc từ xã Thái Bình Trung đến ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Svâyriêng, Campuchia vận chuyển heo về xã B cho K với giá 6.000.000 đồng.

[3.2] Các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi buôn bán heo qua biên giới không tuân thủ các thủ tục theo luật định là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, số lượng heo 107 con còn sống với trọng lượng 9.850 kg trị giá 715.769.950 đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Buôn lậu” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, làm xáo trộn và gây nguy hại đến nền kinh tế trong nước, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường và ổn định kinh tế quốc gia, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy, cần phải tuyên cho các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, trong vụ án có 14 bị cáo nhưng không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn nên cần phân tích làm rõ vai trò của từng bị cáo và xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng cho từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3.3] Đối với bị cáo Trần Quốc K: Bị cáo biết được giá heo ở Campuchia rẻ hơn giá heo ở Việt Nam nên chủ động liên lạc, thỏa thuận mua heo với chị L

bên Campuchia để về Việt Nam bán kiếm lời, thuê bị cáo Đoàn Văn N cân heo, thuê Nguyễn Quốc D và Lê Văn V bóc vác, thuê Nguyễn Văn T canh heo, thuê Nguyễn Thanh Q kiểm đếm heo, thuê các bị cáo Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M vận chuyển heo nên trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người thực hành với vai trò chính. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc phát hiện tội phạm, trong quá trình giải quyết vụ án nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.4] Đối với các bị cáo Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Quốc D, Lê Văn V, Nguyễn Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M là người được bị cáo Trần Quốc K thuê theo từng công đoạn, mỗi bị cáo thực hiện nhiệm vụ khác nhau như bị cáo N cân heo tại địa điểm Campuchia, bị cáo Q kiểm đếm heo, bị cáo T canh heo rớt, bị cáo V và bị cáo D thuê bóc vác, các bị cáo T1, T2, T3, K, C, M, L, L1 vận chuyển heo nên trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là người giúp sức. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo N, Q, D, V, T, L, L1, M từ giai đoạn điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, bị cáo tích cực phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc phát hiện tội phạm, trong quá trình giải quyết vụ án; Các bị cáo T1, T2, T3, K, C do tâm lý lo sợ phạm tội nên tại phiên tòa ngày 27/6/2022 các bị cáo chối tội nhưng khi ổn định tâm lý bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải và các bị cáo đã tích cực phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong việc phát hiện tội phạm; Các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Quốc D có người thân là liệt sĩ, bị cáo Nguyễn Quốc L1 đang bị bệnh nặng nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[3.5] Xét tính chất của vụ án, đây là tội phạm thuộc lĩnh vực kinh tế, các bị cáo có tài sản và có thu nhập nên cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe các bị cáo thành người có ích và có tính phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo Trần Quốc K bị áp dụng mức hình phạt tiền tại khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự, các bị cáo khác tuy đồng phạm với bị cáo K nhưng chỉ với vai trò là người làm thuê, không hùn hạp, ăn chia trong giá trị hàng hóa buôn lậu mà chỉ nhận tiền thuê từ 300.000 đồng đến 750.000 đồng tương đương với số tiền làm công hàng ngày như những công việc bình thường khác, các bị cáo đều phạm tội lần đầu (trừ bị cáo D đã được xóa án tích), hơn nữa các bị cáo T1, T2, T3, K, C, M, L, L1 chỉ vận chuyển từ 1 đến 2 chuyến heo (mỗi chuyến 8 đến 10 con) nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng dưới mức thấp nhất khung hình

phạt được áp dụng và hình phạt tiền được áp dụng tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[3.6] Các bị cáo Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Quốc D, Lê Văn V, Nguyễn Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3 và Đỗ Hoàng M đều thừa nhận là dân sinh sống lâu năm tại địa phương giáp biên giới, tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đều biết khi muốn qua biên giới Campuchia phải xin phép lực lượng biên phòng và vận chuyển hàng hóa về Việt Nam phải có giấy tờ theo luật định, các bị cáo biết bị cáo K tại địa phương cũng không có kinh doanh mua bán heo, các bị cáo cũng là người biết chữ nên biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội do lạc hậu cho các bị cáo được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự của Viện kiểm sát là không phù hợp.

[4] Về vật chứng vụ án:

[4.1] Xác định các bị cáo thực hiện hành vi buôn lậu hàng hóa là 109 con heo, có trọng lượng 10.061 kg, trong đó có 107 con heo còn sống với trọng lượng 9.850 kg có giá 72.667 đồng/kg và 02 con heo chết có trọng lượng 211 kg không xác định được giá trị theo Kết luận định giá tài sản số 2940/KL-HĐĐG ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Long An. Tuy nhiên, tại Biên bản bán hàng hóa đang bị tạm giữ chờ xử lý vào lúc 14 giờ 05 phút ngày 16/3/2020 thể hiện trọng lượng của 111 con heo là 10.194 kg được bán với giá 60.000 đồng, thành tiền 611.640.000 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 16/3/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Hưng. Nên 107 con heo còn sống nêu trên được xác định $9.850\text{kg} \times 60.000 \text{ đồng} = 591.000.000 \text{ đồng}$ bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 02 con heo chết có trọng lượng 211 kg không xác định được giá trị đã giao cơ quan chuyên môn xử lý theo quy định của pháp luật nên Tòa án không xem xét.

[4.2] Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính đã giao nộp lại cụ thể: Các bị cáo N, Q, T mỗi bị cáo đã nộp 300.000 đồng; các bị cáo T1, T2, T3, K, L, L1, C, M mỗi bị cáo nộp 750.000 đồng; các bị cáo D và V mỗi bị cáo nộp 500.000 đồng, tổng 7.900.000 đồng bị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[4.3] Đối với bị cáo D và V, mỗi bị cáo đã nhận của bị cáo K 6.000.000 đồng, xác định đây là số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo mới nộp lại 500.000 đồng nên mỗi bị cáo phải tiếp tục nộp lại 5.500.000 đồng.

[4.4] Đối với chiếc xe mô tô của bị cáo Nguyễn Văn T dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo đã bán với số tiền 300.000 đồng và đã giao nộp nên tịch thu nộp ngân sách số tiền này.

[4.5] Tổng số tiền Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý là 619.840.000 đồng gồm 591.000.000 đồng trị giá 107 con heo, 7.900.000 đồng tiền thu lợi bất chính, 300.000 đồng chiếc xe mô tô, tổng 599.200.000 đồng được giải quyết trong vụ án, còn lại số tiền 20.640.000 đồng trị giá 04 con heo còn sống trên 02 xe mô tô không phải của bị cáo K trong vụ án này nên giao lại Công

an huyện Vĩnh Hưng số tiền 20.640.000 đồng để xử lý theo quy định của pháp luật.

[4.6] Đối với các điện thoại di động các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được, hiện đã không còn nên không giải quyết.

[4.7] Đối với 08 các chiếc máy cày có rơ móc các bị cáo dùng vào việc vận chuyển heo: Đối với chiếc máy cày hiệu International 674 màu đỏ lột đã cũ của bị cáo Trần Văn T1 đã bán cho một người không biết tên với số tiền 50.000.000 đồng, chiếc máy cày hiệu Fec 165 màu đỏ đã cũ của bị cáo Trần Văn T2 đã bán 24.000.000 đồng nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền này; Đối với chiếc máy cày hiệu Fiac 700 màu đỏ, đã cũ do bị cáo Nguyễn Văn L sử dụng là mua thiếu của ông Lê Văn N đã bị thu hồi nợ; chiếc máy cày hiệu Kubota 7000, màu cam, đã cũ do bị cáo Nguyễn Quốc L1 sử dụng là của cha ruột Nguyễn Văn L2; chiếc máy cày Iseki 3510 màu xanh do bị cáo Trần Hoàng C sử dụng là của ông Trần Văn C1; chiếc máy cày Fec 135 màu đỏ lột do bị cáo Trần Văn K sử dụng là của ông Phan Văn Đ; chiếc máy cày hiệu Kubota màu cam do bị cáo Trần Văn T3 sử dụng là của ông Nguyễn Văn S chiếc máy cày hiệu Kubota mới do bị cáo Đỗ Hoàng M sử dụng là của ông Lê Minh C; các chủ sở hữu hợp pháp không biết các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Tòa án không xem xét tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5] Trong quá trình điều tra các bị cáo còn khai nhận trước đó vào khoảng 22 giờ ngày 13/3/2020, bị can K cũng thuê các bị cáo vận chuyển heo từ địa điểm đất của anh Chia - Đại Đội trưởng Đại Đội 3 thuộc ấp C, xã T, huyện R, tỉnh Svâyriêng - Campuchia đem về Việt Nam và đã đem đi tiêu thụ, không xác định được giá trị, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự nên Tòa án không đề cập.

[6] Đối với Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn L, Nguyễn V, Lê Long H, Lê Thanh P, Lê Văn D, Nguyễn Q, Võ Văn T, Đỗ Thành Ch, Nguyễn Thành D, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn L, Ngô Văn B, Lê Minh D, Lê Tuấn A, Nguyễn Minh T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Minh N, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Quốc T trong đội bốc vác của bị cáo V và D khi thực hiện hành vi bốc vác heo theo sự phân công của V và D không biết K thực hiện hành vi buôn lậu, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Tòa án không đề cập.

[7] Đối với Hồ Đăng T, Nguyễn Thành Đ, Thái Ngọc Th, Ngô Thanh H, Âu Thành M, Huỳnh Văn B, Huỳnh Tấn T, Nguyễn Văn S tham gia vận chuyển heo trong nội địa và không biết Khánh thực hiện hành vi buôn lậu, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Tòa án không đề cập.

[8] Đối với ông Trần Văn C, Phan Văn Đ, Nguyễn Văn S, Lê Minh C, Nguyễn Văn L2 có cho các bị cáo C, K, T, M, L mượn máy cày, nhưng không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Tòa án không đề cập.

[9] Đối với ông Trần Văn T, Trần Văn H không biết việc bị cáo K mua heo từ Campuchia đưa về chuồng bò đã bỏ trống, sử dụng bãi đất trống phía sau trại mộc, cũng như không có hùn hạp, cùng làm ăn với K, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Tòa án không đề cập.

[10] Đối với ông Trần Văn X là cha bị cáo K, không có hùn hạp, cùng làm ăn với K, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự nên Tòa án không đề cập.

[11] Đối với 02 chiếc xe mô tô kéo theo xe tự chế do chưa xác định được chủ sở hữu xe và heo trên xe nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau nên không xử lý trong vụ án này.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quốc K, Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn V, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Đỗ Hoàng M phạm tội “Buôn lậu”.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, t khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc K số tiền 1.700.000.000 đồng. (Một tỷ bảy trăm triệu đồng)

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 188; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; các Điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự.

3.1. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn N số tiền 60.000.000 đồng. (Sáu mươi triệu đồng)

3.2. Xử phạt bị cáo Lê Văn V số tiền 60.000.000 đồng. (Sáu mươi triệu đồng)

3.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D số tiền 70.000.000 đồng. (Bảy mươi triệu đồng)

3.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 đồng. (Năm mươi triệu đồng)

3.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Q số tiền 70.000.000 đồng. (Bảy mươi triệu đồng)

3.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L số tiền 80.000.000 đồng. (Tám mươi triệu đồng)

3.7. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc L1 số tiền 80.000.000 đồng. (Tám mươi triệu đồng)

3.8. Xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng M số tiền 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu đồng)

3.9. Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 số tiền 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu đồng)

3.10. Xử phạt bị cáo Trần Văn T2 số tiền 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu đồng)

3.11. Xử phạt bị cáo Trần Văn K số tiền 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu đồng)

3.12. Xử phạt bị cáo Trần Văn T3 số tiền 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu đồng)

3.13. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng C số tiền 85.000.000 đồng. (Tám mươi lăm triệu đồng)

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 599.200.000 đồng.

4.2. Giao lại cho Công an huyện Vĩnh Hưng số tiền 20.640.000 đồng.

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý.

4.3. Buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp số tiền 5.500.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

4.4. Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải nộp số tiền 5.500.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

4.5. Buộc bị cáo Trần Văn T1 phải nộp số tiền 50.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

4.6. Buộc bị cáo Trần Văn T2 phải nộp số tiền 24.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Quốc K, Đoàn Văn N, Nguyễn Thanh Q, Lê Văn V, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn T, Trần Văn T1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Quốc L1, Trần Hoàng C, Trần Văn T2, Trần Văn K, Trần Văn T3, Đỗ Hoàng M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị cáo Nguyễn Quốc L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Công an huyện Vĩnh Hưng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The